TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI LĂNG** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 12/11/2019
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Văn;

2. Bà Lê Thị Thu Hòa.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Chấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương-Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng xét xử công khai vụ án thụ lý số 81/2019/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Võ Đình Q

Địa chỉ: thôn T, xã HV, huyện H L, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Bị đơn: Nguyễn Thị A

Địa chỉ: thôn C, xã H, huyện H L, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2019, bản tự khai ngày 12/8/2019 và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn anh Võ Đình Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị A đăng ký kết hôn tại UBND xã HV, huyện H L, tỉnh Quảng Trị vào ngày 15/11/1994; hai bên tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và không ai ép buộc, sau khi kết hôn vợ

chồng ở nhà bố mẹ tại thôn T, xã H, đến năm 2002 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất hòa với nhau do tính cách của vợ hay hỗn láo, hay chửi chồng, cha mẹ chồng, không quan tâm đến gia đình bố mẹ chồng, UBND xã đã hòa giải nhưng tính tình của vợ không thay đổi, không quan tâm lẫn nhau, anh đã nhiều lần thuyết phục nhưng không có kết quả; năm 2010 cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn nên chị Ánh tự bỏ về nhà ở thôn C, xã H để sinh sống và hai bên ly thân từ đó cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân anh và chị Ánh không gặp gỡ, không liên lạc gì với nhau, tình cảm vợ chồng nay không còn, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị A.

Về con chung: Có 05 con chung gồm cháu Võ Quý Nhất Ph, sinh ngày 10/12/1995; cháu Võ Đình Ph, sinh ngày 08/5/1999; cháu Võ Nguyễn Quý Đ, sinh ngày 03/3/2001; hiện các cháu đã thành niên và có khả năng lao động. Riêng cháu Võ Thị Ánh H, sinh ngày 12/6/2003 và cháu Võ Thị Ánh H, sinh ngày 03/01/2009, nguyện vọng của anh được nuôi 02 cháu và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị Nguyễn Thị A có nguyện vọng nuôi con thì giao 02 cháu cho chị A nuôi, anh có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi cháu 1.500.000đ/tháng đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 19/8/2019 và tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Nguyễn Thị A trình bày: Chị và anh Q kết hôn tại UBND xã HV, huyện HL, tỉnh Quảng Trị vào ngày 15/11/1994; Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 vợ chồng mâu thuẫn, do cuộc sống không hòa hợp nên chị bỏ về quê tại thôn C, xã HB, huyện H L để sinh sống, cả hai sống ly thân cho đến nay và chị cũng xin được đoàn tụ để nuôi con chung. Nếu tòa xử ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi 02 cháu Võ Thị Ánh H, sinh ngày 12/6/2003 và cháu Võ Thị Ánh H, sinh ngày 03/01/2009, anh Q cấp dưỡng nuôi con tùy theo lương tâm của anh Q.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 11/9/2019 và ngày 28/10, Hội LHPN xã H và chính quyền địa phương xã Hải Ba cung cấp thông tin: anh Q và chị A kết hôn tại UBND xã HV, huyện H L, tỉnh Quảng Trị vào ngày 15/11/1994; Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc ở tại nhà chồng, đến năm 2010 vợ chồng mâu thuẫn, do cuộc sống không hòa hợp nên chị Ánh bỏ về quê tại thôn C, xã H, huyện H để sinh sống, cả hai sống ly thân cho đến nay; về con chung cháu Võ Quý Nhất Ph, sinh ngày 10/12/1995, cháu Võ Đình Ph, sinh ngày 08/5/1999, cháu Võ Nguyễn Quý Đ, sinh ngày 03/3/2001 đã thành niên và có việc làm; nên giao cháu Võ Thị Ánh H sinh ngày 12/6/2003 và cháu Võ Thị Ánh H, sinh ngày 03/01/2009 cho chị A nuôi là phù hợp vì hiện nay đang ở với mẹ.

Cháu Võ Thị Ánh H và cháu Võ Thị Ánh H đều có nguyện vọng ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản tố tụng, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng

cứ và hòa giải vào ngày 28/8/2019, ngày 12/9/2019 và ngày 07/10/2019 nhưng chị Nguyễn Thị A vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ tại các Điều 28, 35, 97, 177, 195, 196, 203, 208 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng, thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về họp họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị A, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự đến phiên tòa, tuân thủ quy định của pháp luật về thời hạn thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và thực hiện việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trước khi tham gia phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn anh Võ Đình Q đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 227, 234 của Bộ luật TTDS; bị đơn chị Nguyễn Thị A chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72, 227 của Bộ luật TTDS; Về quan hôn nhân, tranh chấp về nuôi con: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56 và Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, anh Võ Đình Q được ly hôn chị Nguyễn Thị A; giao cháu Võ Thị Ánh H và cháu Võ Thị Ánh H cho chị Nguyễn Thị A nuôi dưỡng, anh Võ Đình Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Võ Thị Ánh H và cháu Võ Thị Ánh H mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Anh Võ Đình Q phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]-Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án xác định là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"; Căn cứ khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu giải quyết của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

{2}- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và

hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ, đúng trình tự thủ tục tố tụng cho nguyên đơn anh Võ Đình Q và bị đơn chị Nguyễn Thị .

{3}-Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2019, bản tự khai ngày 12/8/2019 của anh Võ Đình Q, bản tự khai của chị Nguyễn Thị A ngày 12/8/2019, biên bản xác minh ngày 10/9/2019 và ngày 28/10/2019 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; HĐXX nhận thấy: Anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị A đăng ký kết hôn vào năm 1994 tại UBND xã H Vh; sau khi kết hôn ở tại nhà chồng, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, chị A bỏ về thôn C sinh sống, nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay và hai bên không có quan hệ gì với nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị A không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, anh Võ Đình Q được ly hôn chị Nguyễn Thị A.

{4.}-Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung gồm cháu Võ Quý Nhất Ph, sinh ngày 10/12/1995, cháu Võ Đình Ph, sinh ngày 08/5/1999, cháu Võ Nguyễn Quý Đ, sinh ngày 03/3/2001 đã thành niên và có công việc ổn định nên không yêu cầu giải quyết. Cháu Võ Thị Ánh H, sinh ngày 12/6/2003 và cháu Võ Thị Ánh H, sinh ngày 03/01/2009; cháu H và cháu H có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, cần chấp nhận nguyện vọng của chị Nguyễn Thị A, giao cháu Võ Thị Ánh H, sinh ngày 12/6/2003 và cháu Võ Thị Ánh H, sinh ngày 03/01/2009 cho chị Nguyễn Thị A nuôi dưỡng là hợp lý; anh Võ Đình Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Võ Thị Ánh H và cháu Võ Thị Ánh H mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu, kể từ tháng 12/2019 cho đến khi cháu H và cháu H thành niên và có khả năng lao động.

{5} Về tài sản chung, nợ chung: Anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

{6}- Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng điều 147 của BLTTDS và Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án: Buộc anh Võ Đình Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

{7}- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

{8}- Anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị A có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật, theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 35; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Đình Q được ly hôn chị Nguyễn Thị A.

- Về con chung: Cháu Võ Quý Nhất Ph, sinh ngày 10/12/1995, cháu Võ Đình Ph, sinh ngày 08/5/1999 và cháu Võ Nguyễn Quý Đ, sinh ngày 03/3/2001 đã thành niên và có công việc ổn định nên không yêu cầu giải quyết. Giao cháu Võ Thị Ánh H, sinh ngày 12/6/2003 và cháu Võ Thị Ánh H, sinh ngày 03/01/2009 cho chị Nguyễn Thị A nuôi dưỡng, anh Võ Đình Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Võ Thị Ánh H và cháu Võ Thị Ánh H mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng), kể từ tháng 12/2019 cho đến khi cháu H và cháu H thành niên và có khả năng lao động.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền người đó thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

-Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; buộc anh Võ Đình Q phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA2014/0006474 ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huy ện Hải Lăng; anh Võ Đình Q còn phải nộp thêm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị A có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QT;
- VKSND Hải Lăng;
- UBND xã Hải Vĩnh, Hải Lăng;
- Người tham gia tố tụng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- Chi cục THA DS Hải Lăng;
- THA HS;
- Lưu hồ sơ, tập án.

Nguyễn Đức Hoan